

**Bản án số: 51/2022/DS-PT**

**Ngày: 08/7/2022**

*V/v “Tranh chấp hợp đồng  
hợp tác về góp vốn trồng gỗ  
keo”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Chụ.

*Các Thẩm phán:* + Ông Lê Ngọc Minh.

+ Ông Mai Tân Hoàng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/DSPT ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác về góp vốn trồng gỗ keo*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Võ B, sinh năm 1975; bà Đoàn Thị Lệ H, sinh năm 1979; Cùng trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1968; bà Trần Thị G, sinh năm 1966. Bà G ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Như T, sinh năm 1988; Tất cả cùng trú tại: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Vũ Xuân H – Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Tấn T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. *Người làm chứng:*

4.1 Bà Lê Dạ Lam T, sinh năm 1982

4.2 Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1973

Cùng trú tại: thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4.3 Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; trú tại: Thôn H, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn*

vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H cùng thống nhất trình bày: Vào năm 2009, vợ chồng ông B, bà H hợp tác góp vốn đầu tư trồng gỗ keo với vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G, tại thôn D, xã X, huyện Đ. Sở thứ nhất diện tích khoảng 30ha đến 40ha, sở thứ hai khoảng 06ha đến 07ha. Cuối năm 2013, tiếp tục trồng sở thứ ba có thêm ông Đào Tấn T, diện tích trồng khoảng 06ha cũng tại thôn D, xã X. Đối với sở thứ ba mới đầu tư được 02 năm, vợ chồng ông B và ông T đã đưa cho ông S mỗi người 30.000.000đ/ 02 ha. Sau đó, vợ chồng ông B với vợ chồng ông S phát sinh mâu thuẫn nên ông B không tiếp tục góp vốn nữa mà chỉ còn lại ông T. Khi đó vợ chồng ông B gợi ý với ông Đ và ông T thối lại cho ông B số tiền 30.000.000đ/ 02 ha bằng số tiền ông B đã đầu tư ban đầu đưa cho ông S. Tuy nhiên, ông Đ và ông T không đồng ý. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì giữa vợ chồng ông B với vợ chồng ông S đã thanh toán sở keo thứ nhất còn nợ vợ chồng ông B số tiền 47.000.000đ. Đối với sở keo thứ hai là 06 ha trị giá 300.000.000đ ông S hưởng hai phần, ông B hưởng một phần theo thỏa thuận nên trị giá 100.000.000đ và khoản tiền 5.000.000đ ông S mượn riêng của ông B. Tổng cộng vợ chồng ông S còn nợ vợ chồng ông B 152.000.000đ. Sau đó, vợ chồng ông S đã chuyển vào tài khoản của ông B số tiền 152.000.000đ.

Vợ chồng ông B khẳng định: Đối với khoản tiền thối lại sở keo thứ ba, vợ chồng ông S chưa thanh toán. Khi hai bên xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng ông B không liên lạc gì với vợ chồng ông S. Vì ông T là người làm cùng cơ quan với ông B nên ông B tin tưởng, khi nào sở keo thứ ba khai thác, ông S trả lợi nhuận cho ông T thì ông B mới yêu cầu ông S chia. Đến tháng 7/2020, ông B gặp và hỏi ông T thì mới biết vợ chồng ông S đã khai thác gỗ keo sở thứ ba và thanh toán cho ông T số tiền 100.000.000đ đối với 02 ha. Do đó, vợ chồng ông B, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S thanh toán số tiền lợi nhuận của sở keo thứ ba là 100.000.000đ. Tuy nhiên, vợ chồng ông B thấy chỉ mới đầu tư 02 năm với số tiền 30.000.000đ, thời gian còn lại không có đầu tư nên chỉ yêu cầu vợ chồng ông S bà G trả lại cho vợ chồng ông B số tiền đã đầu tư là 30.000.000đ và 20.000.000đ tiền hoa lợi, tổng cộng hai khoản là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G thống nhất cùng trình bày: Năm 2008 – 2009, vợ chồng ông S trồng chung với vợ chồng ông Võ B hai sở keo với diện tích như ông B trình bày, cả hai thỏa thuận chia lợi nhuận khi khai thác keo, vợ chồng ông S được hưởng hai phần, vợ chồng ông B được hưởng một phần. Vào năm 2013, vợ chồng ông S tiếp tục trồng chung với vợ chồng ông B và ông Đào Tấn T một sở keo thứ ba có diện tích 06 ha, thỏa thuận chia đều lợi nhuận làm 03 phần.

Đối với hai sở keo thứ nhất và thứ hai, vợ chồng ông S tự khai thác và thống nhất để bà H vợ ông B đứng tên trên hợp đồng với nhà máy Hà Thanh. Quá trình khai thác keo sở thứ nhất thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, nên vợ chồng ông B cắt đứt việc làm ăn, tìm người thối lại 02 ha của sở keo thứ ba, nhưng không ai nhận nên vợ chồng ông S đồng ý thối lại với giá 25.000.000đ/ 02 ha. Vợ chồng ông S, bà G xác định chỉ còn nợ vợ chồng ông B gồm các khoản: Sở keo thứ nhất 42.000.000đ; tiền ông S mượn riêng 5.000.000đ; tiền nợ sở keo thứ hai là 80.000.000đ và tiền thối sở keo thứ ba 25.000.000đ, tổng cộng là 152.000.000đ. Đến đầu tháng 5/2016, ông S đã nộp tiền vào tài khoản của ông B, trả đủ số nợ trên và kết thúc làm ăn chung với vợ chồng ông B. Nay vợ chồng ông B yêu cầu vợ chồng ông S trả số tiền 50.000.000đ, trong đó 30.000.000đ tiền ông B đưa đầu tư và 20.000.000đ tiền tiền hoa lợi vợ chồng ông S không đồng ý. Vì cả hai bên đã chấm dứt việc làm ăn cách

đây 05 năm và vợ chồng ông S đã thanh toán đủ số tiền 152.000.000đ cho vợ chồng ông B.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Tấn T trình bày:* Năm 2013, tôi cùng với ông Võ B góp tiền trồng keo với vợ chồng ông Huỳnh Thanh S diện tích đất khoảng 06 ha, chia đều 3 phần mỗi người 02 ha. Trước đó, ông B với vợ chồng ông S góp tiền trồng 2 sớ keo, đến đầu năm 2015 khai thác keo sớ thứ nhất thì giữa vợ chồng ông S với vợ chồng ông B phát sinh mâu thuẫn nên ông B nói với tôi nhận phần hùn và thối lại 02 ha keo của ông B số tiền 30.000.000đ. Khi đó tôi không có tiền nên không nhận thối phần hùn của ông B. Trong hai năm đầu, tôi với ông B đưa cho ông S mỗi người 30.000.000đ/02 ha, sau đó ông B nghỉ còn tôi tham gia và đưa thêm tiền cho ông S mỗi năm 5.000.000đ/02ha x 4năm = 20.000.000đ cho đến đầu năm 2020 thì khai thác keo. Tôi chỉ nghe ông S nói đã thối lại cho ông B sớ keo thứ ba với số tiền 25.000.000đ.

*Những người làm chứng:*

*Bà Lê Dạ Lam T và ông Trần Hữu Đ trình bày:* Chúng tôi chỉ nghe vợ chồng ông B, bà H góp vốn với vợ chồng ông S để trồng gỗ keo tại thôn D, xã X gồm 3 sớ. Sớ keo thứ ba có ông T cùng góp vốn trồng được năm thứ 2 thì vợ chồng ông B với vợ chồng ông S xảy ra mâu thuẫn từ khi khai thác gỗ keo sớ thứ nhất. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông B không tham gia mà chỉ còn lại vợ chồng ông S với anh T. Sau đó nghe vợ chồng ông S thối lại tiền đầu tư 25.000.000đ của sớ keo thứ ba cho vợ chồng ông B. Khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông S mượn chị T 100.000.000đ và ông S đưa thêm 52.000.000đ cho chị T nộp trả vào tài khoản của ông B, gồm số tiền nợ sớ keo thứ nhất, thứ hai và khoản tiền thối lại sớ keo thứ 3 là 25.000.000đ, tổng cộng là 152.000.000đ.

*Bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà C không nhớ rõ về thời gian, nhưng sau khi nghe vợ chồng ông B tính toán tại nhà ông S và vào nhà tôi chơi kể lại sự việc sớ keo thứ hai còn lại chưa thu hoạch ông S ra giá sớ keo thứ hai còn lại 300.000.000đ, ông S hưởng hai phần, ông B hưởng một phần và ông S chưa đưa tiền cho vợ chồng ông B, nên vợ chồng ông B bức xúc khóc tại nhà tôi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 504, 507, 510 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác góp vốn trồng gỗ keo”.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G phải trả cho vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) khoản tiền vợ chồng ông B, bà H đã góp vốn đầu tư trồng gỗ keo. (Trong đó: 30.000.000đ tiền góp vốn đầu tư và 20.000.000đ tiền hoa lợi).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng hợp tác góp vốn trồng gỗ keo” thuộc trường hợp tranh chấp Hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G, Hội đồng xét xử thấy giữa nguyên đơn với bị đơn cùng thống nhất góp vốn trồng chung 03 sớ gỗ keo tại thôn D, xã X, huyện Đ theo hình thức nguyên đơn đầu tư, góp vốn bằng tiền, bị đơn đầu tư công trồng trọt, chăm sóc loại cây gỗ keo được trồng trên diện tích đất của bị đơn cho đến khi khai thác, thu hoạch và hai bên cùng chia lợi nhuận theo thỏa thuận. Trong đó, hai bên đầu tư trồng sớ keo thứ nhất khoảng 30ha đến 40ha, sớ keo thứ hai khoảng 06ha đến 07ha; riêng sớ keo thứ ba diện tích 06 ha trồng vào năm 2013 có thêm ông Đào Tấn T cùng góp vốn đầu tư chia ba phần đều nhau. Sau khi khai thác gỗ keo sớ thứ nhất năm 2015, giữa nguyên đơn với bị đơn phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn chỉ mới đầu tư vào sớ keo thứ 3 với số tiền 30.000.000đ/02ha trong 2 năm đầu. Vì giữa nguyên đơn vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H với bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G có sự mâu thuẫn nên dẫn đến vợ chồng ông B không tiếp tục tham gia đầu tư thêm, chỉ còn vợ chồng ông S với ông T tiếp tục đầu tư vào sớ keo thứ ba cho đến khi khai thác, thu hoạch gỗ keo đã trồng, như ông T trình bày là đúng thực tế.

[3] Mặt khác: Thể hiện từ khi nguyên đơn không tiếp tục góp vốn, thì ông T đã tiếp tục đầu tư, đưa tiền cho ông S mỗi năm 5.000.000đ/02ha, trong 04 năm với số tiền đầu tư 20.000.000đ. Khi khai thác keo sớ thứ ba, ông S đã thanh toán cả phần lợi nhuận và vốn đầu tư cho ông T 100.000.000đ/2ha. Trong đó, phần vốn đầu tư 50.000.000đ, phần lợi nhuận 50.000.000đ. Nên nguyên đơn vợ chồng ông B khởi kiện đòi lại số tiền vốn đầu tư ban đầu vào sớ keo thứ 3 với số tiền 30.000.000đ/02ha trong 2 năm đầu và yêu cầu bị đơn vợ chồng ông S phải chia lợi nhuận 20.000.000đ sau khi thu hoạch, khai thác sớ keo thứ 3, tương ứng với phần vốn góp đầu tư ban đầu là hoàn toàn có cơ sở như nhận định của cấp sơ thẩm.

[4] Hơn nữa, giữa nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ tiền chưa thanh toán sớ keo thứ nhất 47.000.000đ, cá nhân ông S mượn 5.000.000đ, tiền sớ keo thứ hai 100.000.000đ, tổng cộng 152.000.000đ, bị đơn đã chuyển trả xong. Riêng sớ keo thứ ba bị đơn chưa thanh toán tiền vốn đầu tư ban đầu vào sớ keo thứ 3 với số tiền

30.000.000đ/02ha trong 2 năm đầu và yêu cầu bị đơn vợ chồng ông S phải chia lợi nhuận 20.000.000đ sau khi thu hoạch, khai thác sở keo thứ 3, tương ứng với phần vốn góp đầu tư ban đầu là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Bị đơn cho rằng sở keo thứ hai trị giá 240.000.000đ, bị đơn hưởng hai phần là 160.000.000đ, nguyên đơn một phần là 80.000.000đ. Sau khi mâu thuẫn, hai bên đã cùng thanh toán, chỉ nợ lại sở keo thứ nhất 42.000.000đ; tiền ông S mượn riêng 5.000.000đ; tiền nợ sở keo thứ hai 80.000.000đ và tiền thanh toán sở keo thứ ba 25.000.000đ, tổng cộng 152.000.000đ. Khi đó, vợ chồng ông S không có tiền nên hỏi mượn chị Lê Dạ Lam T 100.000.000đ và ông S đưa 52.000.000đ để chị T chuyển vào tài khoản của ông B vào ngày 17/5/2016 số tiền 152.000.000đ. Nhưng bị đơn vợ chồng ông S kháng cáo và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc bị đơn đã trả lại số tiền 25 triệu đồng trong số tiền 152.000.000đ đã chuyển cho nguyên đơn (tương ứng với 30 triệu đồng/02 ha mà vợ chồng ông B đã đầu tư trong 02 năm đầu). Vì không thể thỏa mãn được yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông S, bà G.

[6] Bên cạnh đó, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã trình bày đúng thực tế khách quan sự việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn. Còn những người làm chứng bà T, ông Đ, bà C đều không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận hợp tác, chi trả lợi nhuận, nợ tiền giữa nguyên đơn với bị đơn mà chỉ nghe nói lại nên lời khai của họ không có cơ sở chứng minh.

[7] Từ những căn cứ trên, thấy rằng nội dung kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông S, bà G là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông S, bà G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 504, 507, 510 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H, về tranh chấp hợp đồng góp vốn trồng gỗ keo.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G phải trả cho vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) khoản tiền vợ chồng ông B, bà H đã góp vốn đầu tư trồng gỗ keo. (Trong đó 30.000.000đ tiền góp

vốn đầu tư và 20.000.000đ tiền lợi nhuận).

2. Về án phí: Vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Trần Thị G phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0000666 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Nên còn phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho vợ chồng ông Võ B, bà Đoàn Thị Lệ H số tiền 2.500.000đ, (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0011419 ngày 12/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND H. Đồng Xuân; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS H. Đồng Xuân;
- P.KTNV-THA;
- Lưu:HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Chiu**